

BỘ Y TẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 955 /QĐ - BYT

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
đối với Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH12 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15/11/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương tại công văn số 266/BVYHCTTW ngày 07/12/2023; công văn số 49/BVYHCTTW ngày 22/3/2024 của bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương về việc hoàn thiện hồ sơ phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Y học cổ truyền trung ương; biên bản họp Hội đồng chuyên môn ngày 20/02/2024 thẩm định bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương (địa chỉ: 29 Nguyễn Bình Khiêm, phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) được bổ sung 167 kỹ thuật theo quy định tại Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Danh mục kèm theo).

Điều 2. Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để bảo đảm an toàn sức khỏe cho người bệnh.

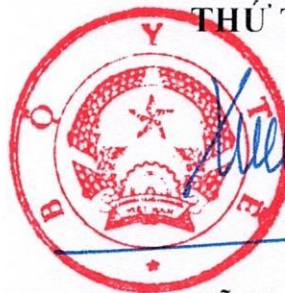
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các Ông, Bà: Chánh Văn phòng Bộ; Cục trưởng Cục Quản lý Y, Dược cổ truyền; Cục trưởng Cục Quản lý Khám, chữa bệnh; Giám đốc Bệnh viện Y học cổ truyền Trung ương và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Bệnh viện YHCT TW (để thực hiện);
- Lưu: VT, YDCT (02 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đỗ Xuân Tuyên

BỘ Y TẾCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH MỤC KỸ THUẬT BỔ SUNG ĐỐI VỚI
BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG ƯƠNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 955/QĐ-BYT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ Y tế)

Số TT của BV	Số TT của BYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
	I.	HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1	20	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	x	x	x	
2	21	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	x	x	x	
	II.	NỘI KHOA				
		Đ. TIÊU HÓA				
3	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
	III.	NHI KHOA				
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		B. HÔ HẤP				
4	102	Chăm sóc lỗ mở khí quản	x	x	x	
		C. THẬN – LỌC MÁU				
5	131	Rửa bàng quang lấy máu cục	x	x	x	
6	132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	
	IV.	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
7	708	Siêu âm điều trị	x	x		
8	738	Đánh giá chung về sự phát triển của trẻ - ASQ	x	x		
9	740	Đánh giá kỹ năng vận động tinh-sinh hoạt hàng ngày	x	x		

10	746	Kỹ thuật ABA	x	x		
11	756	Kỹ năng vận động tinh của bàn tay	x	x		
12	759	Kỹ năng phối hợp tay - mắt	x	x		
13	762	Kỹ năng điều hoà cảm giác	x	x		
14	773	Điều trị bằng các dòng điện xung	x	x	x	
15	774	Điều trị bằng tia hồng ngoại	x	x	x	
16	779	Kỹ thuật di động khớp – trượt khớp	x	x	x	
17	782	Thông tiểu ngắt quãng trong PHCN tổn thương tuỷ sống	x	x	x	
18	791	Vật lý trị liệu - PHCN cho trẻ bị vẹo cột sống	x	x	x	
19	811	Tập vận động có trợ giúp	x	x	x	x
20	812	Vỗ rung lồng ngực	x	x	x	x
21	819	Kỹ thuật thay đổi tư thế lăn trở khi nằm	x	x	x	x
22	820	Tập vận động chủ động	x	x	x	x
23	821	Tập vận động có kháng trở	x	x	x	x
24	822	Tập vận động thụ động	x	x	x	x
25	823	Đo tầm vận động khớp	x	x	x	x
26	825	Thử cơ bằng tay	x	x	x	x
27	902	Tập với hệ thống ròng rọc	x	x	x	x
28	903	Tập với xe đạp tập	x	x	x	x
		B. LÀM VÀ SỬ DỤNG CÁC DỤNG CỤ TRỢ GIÚP				
29	969	Thang tường	x	x		
30	970	Thanh song song	x	x		
31	977	Khung tập đi	x	x	x	
32	981	Bàn tập mạnh cơ tứ đầu đùi	x	x	x	
33	983	Nặng nách	x	x	x	x
34	984	Nặng khuỷu	x	x	x	x
35	985	Gậy tập	x	x	x	x

	V.	DA LIỄU				
		B. NGOẠI KHOA				
		1. Thủ thuật				
36	5	Điều trị hạt cơm bằng Laser CO2	x	x		
37	6	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO2	x	x		
38	7	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO2	x	x		
39	8	Điều trị dày sừng da dầu bằng Laser CO2		x		
40	9	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Laser CO2	x	x		
41	10	Điều trị sần cục bằng Laser CO2	x	x		
42	11	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO2	x	x		
		2. Phẫu thuật				
43	71	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	x	x	x	
	X.	NGOẠI KHOA				
		B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
		6. Lòng ngực				
44	278	Phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x	x	
		E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC				
		1. Thành bụng - cơ hoành				
45	699	Khâu vết thương thành bụng	x	x	x	
	XI.	BỔNG				
		B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỔNG VÀ SAU BỔNG				
46	103	Cắt sẹo khâu kín	x	x	x	
	XIV.	MẮT				
47	63	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	x		
48	65	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hoá	x	x		

49	66	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x		
50	134	Di thực hàng lông mi	x	x		
51	138	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi	x	x		
52	165	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x	
53	169	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x	
		Thăm dò chức năng và xét nghiệm				
54	252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	x	x	x	
55	257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x	
56	258	Đo khúc xạ máy	x	x	x	
	XV	TAI- MŨI- HỌNG				
		A. TAI - TAI THẦN KINH				
57	52	Bơm hơi vòi nhĩ	x	x	x	
58	54	Lấy dị vật tai gây tê				
		B. MŨI-XOANG				
59	130	Đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
60	132	Bẻ cuốn mũi	x	x	x	
61	135	Sinh thiết hốc mũi	x	x	x	
62	138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
63	139	Phương pháp Proetz	x	x	x	
64	140	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
65	141	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
66	143	Lấy dị vật mũi gây tê	x	x	x	
		C. HỌNG-THANH QUẢN				
67	209	Cắt phanh lưỡi	x	x	x	
68	213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
69	215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x
70	216	Áp lạnh họng hạt (Nitơ, CO2 lỏng)	x	x	x	x

	XVI.	RĂNG - HÀM - MẶT				
		A. RĂNG				
71	33	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng	x	x		
72	34	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	x	x		
73	36	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi	x	x		
74	37	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại	x	x		
75	38	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite	x	x		
76	39	Điều trị áp xe quanh răng cấp	x	x		
77	40	Điều trị áp xe quanh răng mạn	x	x		
78	51	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	x	x		
79	52	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x		
80	53	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay cầm tay	x	x		
81	54	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	x	x		
82	55	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	x	x		
83	56	Chụp tủy bằng MTA	x	x		
84	58	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn	x	x		
85	59	Điều trị tủy răng thủng sàn bằng MTA	x	x		
86	67	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	x	x		
87	71	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	x	x	x	
88	78	Veneer Composite trực tiếp	x	x		
89	79	Tẩy trắng răng tủy sống có sử dụng đèn Plasma	x	x		
90	81	Tẩy trắng răng nội tủy	x	x		
91	84	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)	x	x	x	x
92	104	Chụp nhựa	x	x	x	
93	105	Chụp kim loại	x	x	x	
94	106	Chụp hợp kim thường cần nhựa	x	x	x	

95	138	Tháo chụp răng giả	x	x	x	
96	141	Thêm móc cho hàm giả tháo lắp	x	x	x	x
97	183	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp	x	x		
98	189	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút môi	x	x		
99	190	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu đẩy lưỡi	x	x		
100	191	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu mút ngón tay	x	x		
101	192	Sử dụng khí cụ tháo lắp điều trị thói quen xấu thở đường miệng	x	x		
102	193	Gắn band	x	x		
103	195	Máng nâng khớp cắn	x	x		
104	197	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	x	x		
105	198	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	x	x		
106	201	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	x	x		
107	203	Nhổ răng vĩnh viễn	x	x	x	
108	207	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng	x	x		
109	208	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng	x	x		
110	209	Phẫu thuật mở xương cho răng mọc	x	x		
111	210	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng	x	x		
112	212	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng	x	x		
113	215	Cắt lợi di động để làm hàm giả	x	x		
114	220	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	x	x		
115	231	Lấy tuỷ buồng răng sữa	x	x	x	
116	232	Điều trị tuỷ răng sữa	x	x	x	
117	233	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	x	x	x	
118	234	Điều trị đóng cuống răng bằng MTA	x	x	x	
		B. HÀM MẶT				
119	299	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt	x	x	x	
120	334	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt	x	x	x	
121	338	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt	x	x	x	

	XVII	PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				
		A. VẬT LÝ TRỊ LIỆU				
		(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)				
122	9	Điều trị bằng sóng xung kích	x	x	x	
123	12	Điều trị bằng Laser công suất thấp	x	x		
124	16	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)	x	x	x	x
125	17	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)	x	x	x	x
	XVIII	ĐIỆN QUANG				
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
126	83	Chụp Xquang răng toàn cảnh	x	x		
	XXIII	HÓA SINH				
		A. MÁU				
127	18	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	x	x		
128	28	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide)	x	x		
129	32	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125)	x	x		
130	33	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9)	x	x		
131	34	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3)	x	x		
132	39	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen)	x	x		
133	46	Định lượng Cortisol	x	x		
134	63	Định lượng Ferritin	x	x		
135	65	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone)	x	x		
136	67	Định lượng Folate	x	x		
137	69	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	x	x		
138	98	Định lượng Insulin	x	x		

✓

139	103	Xét nghiệm Khí máu	x	x		
140	110	Định lượng LH (Luteinizing Hormone)	x	x		
141	117	Định lượng Myoglobin	x	x		
142	130	Định lượng Pro-calcitonin	x	x		
143	131	Định lượng Prolactin	x	x		
144	134	Định lượng Progesteron	x	x		
145	138	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen)	x	x		
146	147	Định lượng T3 (Tri iodothyronine)	x	x		
147	151	Định lượng Testosterol	x	x		
148	161	Định lượng Troponin I	x	x		
149	162	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	x	x		
150	169	Định lượng Vitamin B12	x	x		
	XXVII	PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		D. BỤNG – TIÊU HOÁ				
		4. Ruột non				
		14. Thoát vị				
		16. Các phẫu thuật nội soi khác				
151	347	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận qua phúc mạc	x	x		
152	348	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận qua phúc mạc	x	x		
153	349	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang thận sau phúc mạc	x	x		
154	350	Phẫu thuật nội soi cắt nang thận sau phúc mạc	x	x		
		Đ. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
		2. Niệu quản				
155	377	Nội soi xẻ sa lồi lỗ niệu quản	x	x		

**BỔ SUNG DANH MỤC KỸ THUẬT THEO THÔNG TƯ 21 CỦA BỘ Y TẾ
TRONG KHÁM CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN YHCT TW NĂM 2024**

Số TT của BV	Số TT của BHYT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
	III.	NHI KHOA				
		XXII. Y HỌC CỔ TRUYỀN				
156	4180	Điện nhĩ châm điều trị táo bón	x	x	x	
	V.	DA LIỄU				
		Đ. THỦ THUẬT				
157	105	Trẻ hoá da bằng chiếu đèn LED	x	x		
158	107	Điều trị mụn trứng cá bằng chiếu đèn LED	x	x		
159	109	Điều trị bệnh râm má bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
160	110	Điều trị bệnh tàn nhang bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
161	111	Điều trị sẹo lõm bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
162	112	Điều trị bệnh rụng tóc bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
163	113	Điều trị bệnh hói bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
164	114	Điều trị dẫn lỗ chân lông bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
165	115	Điều trị lão hóa da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
166	116	Điều trị rạn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		
167	117	Điều trị nếp nhăn da bằng kỹ thuật lăn kim và thuốc bôi tại chỗ	x	x		

Tổng: 167 kỹ thuật./.